

Bài 73. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Bhandagāna | Sư Giác Nguyên giảng 17/6/18

Xin chào đại chúng. Hôm nay chúng ta học qua chương mới.

Chúng ta vừa học xong phần Chương Ba Pháp, có nghĩa là học được một phần ba Tăng Chi Bộ Kinh. Nếu bỏ đi những bài trùng, thì không lâu nữa đâu chúng ta sẽ hoàn tất Tăng Chi Bộ Kinh.

CHƯƠNG BỐN PHÁP

I. PHẨM BHANDAGANA

BÀI KINH SỐ 1 - GIÁC NGỘ

Các vị xem trong Kinh Đại Bát Niết-bàn của Trường Bộ, Đức Phật trước khi viên tịch có nhắc lại nội dung kinh này, nhiều lần chứ không phải một lần. Ngài nhắc lại: “Này các tỳ-kheo, do không hiểu Bốn đế mà ta và các người trải qua nhiều đời sanh tử”.

Ở trong đây Ngài không nói Bốn đế, mà Ngài nói Bốn pháp mà nội dung cũng là Bốn đế: không Giới, không Định, không Tuệ, không có Giải thoát. Thì Giới, Định, Tuệ, Giải thoát; giải thoát đây ám chỉ Thánh trí. Thánh trí gồm Đạo và Quả, thấp nhất là Tu-đà-hườn, cao nhất là quả vị La-hán.

Các vị biết rồi, quả vị La-hán có nhiều cách phân loại, nhưng cách căn bản nhất là A-la-hán gồm có ba bậc:

A-la-hán tự ngộ và có thể làm thầy cho người khác, tức là Chánh Đăng Giác.

Trường hợp thứ hai là La-hán tự ngộ nhưng không thể làm thầy cho ai hết, được gọi là Độc Giác.

Trường hợp thứ ba là La-hán trên phải có thầy dạy, tức là vị Chánh Đăng Giác dạy cho, và dưới thì vị này cũng có thể làm thầy cho người khác đắc chứng giống như

mình.

Như vậy quả vị La-hán gồm có ba. Theo kinh điển Nguyên thủy Pali thì vị Chánh Đăng Giác cũng là vị La-hán. Quả vị La-hán nói đại khái là quả vị thấu hiểu hoàn toàn Bốn đế và chấm dứt toàn bộ tất cả phiền não. Dầu đó là vị Chánh Đăng Chánh Giác hay vị La-hán bảy tuổi thì đều giống nhau ở điểm cả hai đều không còn phiền não nữa.

Ngoài đó ra thì có muôn trùng những điểm khác biệt. Thí dụ như vị Chánh Đăng Giác cũng là vị La-hán nhưng Ngài biết... Ngài không biết, hạnh lành nào Ngài cũng có ở mức cao nhất. Còn riêng những vị La-hán Thanh văn thì chắc chắn họ thanh tịnh giống như Ngài, không còn tham, sân, si, nhưng cái biết của các vị dĩ nhiên là có hạn chế. Không phải cái gì cũng biết, ngay cả ngài Xá Lợi Phất.

Như vậy ở đây Ngài dạy rằng do không có được bốn cái này cho nên Ngài và nhiều người nữa cũng phải sanh tử luân hồi. Ai mà thành tựu bốn cái này thì người đó không còn sanh tử nữa. Đó là thành tựu Giới, Định, Tuệ và Giải thoát, tức là chứng Thánh. Cái này mình đã nghe không biết bao nhiêu lần cho nên ở đây tôi chỉ nhắc sơ thôi.

Giới đây là gì?

Trong kinh điển truyền thống mình, Giới có ít nhất là hai trường hợp. Một là mình giữ giới vì lý tưởng sanh tử. Thí dụ như giữ giới để cầu quả Nhân thiên; giữ giới là bởi vì trong một môi trường sống đặc biệt nào đó mình được giáo dục, được hàm dưỡng một vài đức tánh, một vài hạnh lành. Thì hàm dưỡng hạnh lành đó bản thân nó đã là giới. Chớ còn hiểu giới theo kiểu nghèo nàn thì giới chỉ là năm giới, tám giới, mười giới.

Chữ giới hiểu theo nghĩa rộng là có lòng ngăn trừ, lìa bỏ một chuyện xấu quấy nào đó. Như hồi đó giờ mình có tật nhiều chuyện, ngồi lê đôi mách, đâm thọc gây chia rẽ. Bây giờ mình bỏ, mình không như vậy nữa, đó là giới. Hồi đó đến giờ mình muốn ăn

gì ăn. Còn bây giờ mình coi chuyện ăn uống đó là nhu cầu cấp thiết, ăn chỉ cần no chứ không cần phải ngon, phải sang trọng, đắt tiền, đó cũng là giới. Mặc cũng vậy, rồi nhà ở, trong nhu cầu sinh hoạt thường nhật, bất cứ cái gì mà bây giờ mình bớt đi thì cái đó cũng gọi là giới.

Nhưng giới có hai trường hợp:

Giới hướng đến quả Nhân thiên. Giới do môi trường sống mình có một cách ngẫu nhiên thì đó là giới hữu lậu.

Giới vô lậu có nghĩa là lìa bỏ cái chuyện xấu của thân, khẩu, của ý với mục đích là cầu giải thoát, chấm dứt sanh tử, phiền não. Thì giới này mới được gọi là giới vô lậu. Giới này mới làm nền tảng cho Định.

Định này là khả năng tập trung tư tưởng. Cũng theo kinh điển truyền thống thì trong vô số kiếp quá khứ sanh tử, chúng ta đã có rất nhiều lần chúng ta là những bậc giới hạnh trong sạch, nhưng vì chúng ta không cầu giải thoát cho nên cứ hưởng quả Nhân thiên xong rồi đi quần quanh trong lục đạo, sáu đường, năm nẻo, rồi cuối cùng cũng vòng vòng đó.

Rồi Định cũng vậy, chúng ta cũng nhiều đời nhiều kiếp tu tập thiền định, đắc chứng thần thông, sanh về cõi Phạm thiên cao thấp. Nhưng vì không có cầu giải thoát nên cuối cùng Giới đó, Định đó cũng hoàn công. Nó cũng chỉ là đưa mình vào mê lộ trầm luân mà thôi.

Riêng Tuệ thì sao?

Tuệ đây có nghĩa là khả năng soi rọi, quán chiếu thân tâm này và toàn bộ thế giới, vô lượng vũ trụ, tất cả đều là danh, sắc, năm uẩn, chỉ là sáu căn sáu trần, chỉ là 12 duyên khởi, chỉ là quần quanh trong mấy đế thôi, để thấy rằng mọi thứ do duyên mà có, có rồi phải mất. Thấy rằng thiện ác buồn vui đều do duyên tạo. Thiện cách mấy cũng đều do duyên tạo mà vui cách mấy cũng đều do duyên tạo. Ác cách mấy, khổ

cách mấy, tất cả thiện ác buồn vui đều do duyên tạo. Thấy vậy sanh tâm nhàm chán, không muốn sanh tử nữa.

Thì nếu duyên lành đầy đủ thì sau cái chán đó phiền não cũng hết theo. Còn nếu như duyên lành không đủ thì mình cũng sống chánh niệm, mình cũng có quán chiếu, mình cũng có nhận thức đúng đắn, nhưng mà chỉ là gieo duyên cho đời sau kiếp khác. Chỉ vậy thôi. Nhớ nhé!

Tôi nhắc lại, điều quan trọng nữa là Tuệ chỉ có trong giáo pháp của chư Phật Chánh Đẳng Giác. Cái Giới, Định thì có thể ngoại đạo họ nghĩ ra, nhưng cái Tuệ thì không. Tuệ là khả năng nhận thức, thấy rằng thân tâm này và vô lượng vũ trụ và tất cả chúng sanh đều do duyên tạo. Cái vụ này chỉ có chư Phật dạy mình được thôi chớ không có ai ngoài ra các Ngài cho mình biết sự thật đó. Cái đó là Tuệ.

Còn giải thoát đây là chỉ cho Thánh trí.

Thánh trí đây tối thiểu là Tu-đà-hườn, cao nhất là quả vị La-hán. Thánh trí là gì? Thánh trí chỉ là cái nhận thức thôi. Hồi xưa giờ mình không có khả năng nhận thức như vậy. Hồi đó giờ nhiều lắm mình gặp chư Phật, mình nghe được Chánh pháp, mình cũng hiểu bu lu ba loa vô ngã, vô thường. Nhưng cái biết đó chỉ là vay mượn chớ không phải do chính mình thấm thía.

Tôi nhắc lại lần nữa, vô số kiếp trước chúng ta cũng đã từng là những con vẹt, con sáo rồi, nghe rồi nhắc lại. Nhưng chỉ có thể chấm dứt sanh tử phiền não khi nào cái biết đó là do chính mình thấm thía. Chư Phật chỉ gợi ý thôi. Còn

Riêng mình thì mình phải có lòng cầu giải thoát và tu các hạnh lành nhiều đời nhiều kiếp.

Hạnh lành đây là sao? Là cho được thì cho, nhịn được thì nhịn, học được thì ráng học, thiền được thì ráng thiền, nhẫn được thì ráng nhẫn... Tất cả các hạnh lành mình

tu tập trong nhiều đời, thì các vị hỏi tôi chừng nào mới đủ? Thì tôi xin trả lời là tùy hạnh nguyện mỗi người.

Có người chỉ cầu giải thoát thôi, họ không thêm gì nữa hết thì họ lẹ. Nhưng lẹ đây có thể là 100 kiếp, 1.000 kiếp, 2.000 kiếp gọi là lẹ. Còn trường hợp nguyện giải thoát mà còn đính kèm cái gì đó, thí dụ như: “Tôi chỉ giải thoát khi tôi là vị Chánh đẳng giác. Tôi chỉ giải thoát khi tôi là vị Độc giác. Tôi chỉ giải thoát khi tôi là đệ nhất cái này, đệ nhất cái kia trong đời chư Phật”, thì lúc đó nó sẽ lâu.

Thí dụ mình nguyện hạnh này hạnh kia thì tối thiểu phải 100.000 đại kiếp trở lên. Còn nếu muốn làm đệ tử số một, đệ tử số hai của chư Phật thì phải mất một A-tăng-kỳ. Còn muốn trở thành bậc Độc giác thì phải mất hai A-tăng-kỳ, tức là tự ngộ mà không cần thầy.

Cho nên sẵn đây tôi nói luôn. Cái Tuệ học, tức là pháp môn Tứ niệm xứ, nếu không cần thầy bà mà tự mình mò mẫm tìm ra thì tối thiểu chúng ta phải mất hai A-tăng-kỳ và 100.000 đại kiếp. Có nghĩa là gấp đôi thời gian ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên tu ba-la-mật. Gớm như vậy, nghe, nhớ cái đó!

Cho nên nếu mình không có ý trở thành một đại nhân vật mà chỉ có lòng cầu giải thoát thôi, thì ráng học Đạo cho căn bản rồi tập trung sống chánh niệm. Học cho căn bản rồi tập trung sống chánh niệm.

Chớ cái mà tôi sợ nhất là giáo lý căn bản thì không chịu học, mà cứ lôm côm lôm côm, nghe đầu này một mớ, nghe đầu kia một mớ, giáo lý mất căn bản, cả đời như vậy, mà các vị nói với tôi các vị đi Miến Điện tu thiền, tôi nói thiệt, các vị giận tôi cũng phải nói, thương quá phải nói: biết cái gì mà tu? Không biết danh sắc là cái gì, sáu căn sáu trần là cái gì, 18 giới là cái gì, 12 duyên khởi, Bốn đế, 37 phẩm Bồ đề là cái gì, không có biết thì lấy cái gì mà tu? Phải có giáo lý căn bản quý vị à!

Bữa hôm tôi nói rồi. Có nghĩa là học về cái tâm nè, sắc nè; học về người, về cõi; học về thiên chi, thiên quán; học về 12 duyên sinh, 24 duyên hệ. Đó là những đề tài mình

phải học ít nhất phải một năm. Còn người huệ căn thì ba tháng, sáu tháng. Đã nói huệ căn thì mình không dám rờ tới họ, họ huệ căn thì đặc biệt. Mình đang nói trường hợp phổ thông, chung chung, quần chúng mình, số đông số lớn thì phải một năm à quý vị. Mà phải là chuyên tâm nhe. Một ngày sáng hai tiếng, chiều hai tiếng là khoảng một năm.

Cho nên nếu quý vị là má của tui, có là bà xã của tui, có là con ruột của tui, có là anh ruột, bác chú ruột của tui, người mà tui thương nhất, thì tui cũng đề nghị chừng đó thôi. Nghĩa là xin làm ơn ngồi xuống học giáo lý trong một năm dùm con đi, nghe. Rồi sau đó sống chánh niệm suốt một đời.

Còn chuyện mà nói: “Về già, con nó ra trường, cháu ngoại ra trường, tui mới tu Tứ niệm xứ”, thì tôi xin nói có ba cái bậy.

Cái bậy thứ nhất là mình biết mình sống tới đó hay không.

Cái bậy thứ hai là lúc đó thân và tâm mình đều có vấn đề. Thân lúc đó bệnh trùng điệp. Tâm lúc đó càng về già tật xấu nó chồng chất: tham nhiều hơn, sân nhiều hơn, si nhiều hơn, kiêu mạn nhiều hơn. Trong khi đó cái thiện lại giảm. Càng về lớn tuổi, cái nhẫn nó dở hơn, cái trí nó chậm hơn, cái niệm nó mỏng hơn.

Cho nên cái bậy thứ nhất là mình không biết có còn sống tới đó hay không. Thứ hai nữa là mình phải nhớ cái điều kiện mình càng về cuối đời nó càng tệ. Cái thứ ba là cơ hội gặp được chánh pháp không nhiều, cơ hội chứng quả chứng Thánh càng hiếm hơn. Cho nên nếu không tranh thủ, không tận dụng ngay bây giờ mà cứ ngồi chờ thì mình hoang phí rất là nhiều.

Mình không biết cái duyên lành của mình có thể chứng được lúc nào. Cái này là Kinh nói, không phải tôi nói. Có lần đức Phật ngài nói có cặp vợ chồng, nếu mà họ vào tuổi đó, vào năm đó mà họ tinh tấn, họ đã đắc Sơ quả rồi. Rồi Ngài nói thêm bao nhiêu năm về sau, nếu vào thời điểm đó họ tinh tấn, họ đắc rồi.

Các vị phải nhớ một điều: đừng nghĩ rằng mình có ba-la-mật kiếp trước rồi kiếp này mình muốn đắc lúc nào cũng được. Sai! Ở đây ai có trồng trọt, có trồng hoa thì biết. Mình có giống, có đất, có phân, có chậu, có nước đầy đủ, nhưng thời điểm nào có thể trồng được loại hoa đó, thời điểm nào có thể trồng được cái cây đó mới được, chứ không phải muốn trồng là trồng.

Duyên lành ba-la-mật mình có rồi, đã tu nhiều kiếp, nhưng mình không gặp được chư Phật nên không biết lúc nào là thời điểm tốt nhất để trí tuệ chín muồi. Trong một ngày như vậy, trong một tháng, một tuần như vậy, nó chỉ chín muồi một vài lần; hoặc trong nhiều năm nó chỉ chín một vài lần; hoặc một đời như vậy chỉ được dịp đó thôi. Mặc dù ba-la-mật mình đầy đủ rồi, nhưng cái thời điểm mà nó chín chắn, chín muồi, đủ để tiếp nhận được Tứ thánh đế thì trong một ngày chỉ được một lần, hoặc một tháng, một năm, nhiều năm, nhiều thập niên nó chỉ được một lần đó thôi. Nếu ngay thời điểm đó mình làm lơ là xong. Nhớ cái này, rất là quan trọng, nhe!

Bài Kinh này Ngài dạy là mình sanh tử luân hồi nhiều kiếp là vì mình có Giới, có Định nhưng không cầu giải thoát. Còn Tuệ thì nhiều kiếp rồi mình không biết tuệ là gì hết. Cho nên khi gặp Phật pháp rồi thì trước hết phải có nền tảng giáo lý cho căn bản. Thứ hai là sống chánh niệm để tu tập thiền chỉ, thiền quán. Nhờ vậy ta mới có Giới - Định - Tuệ và Giải thoát.

Nếu nó không đủ điều kiện để chứng đắc, thì tối thiểu cũng là gieo duyên cho đời sau kiếp khác. Lần sau mình ra, mình học lạ hơn người ta, học Đạo nhanh hơn, hành Đạo tốt hơn. Nhớ nhe!

Những người hôm nay mình thấy họ là thiên tài, thần đồng, Thánh tăng, là nhục thân Bồ tát... là do kiếp trước họ cũng mồ hôi nước mắt tràn trề nhiều kiếp. Chớ không phải khơi khơi mà bây giờ có ngài Achann Naeb, ngài Ajahn Chah, ngài Pa Auk khơi khơi trên trời rớt xuống. Mà họ phải nhiều đời nhiều kiếp. Đó là những người bằng xương bằng thịt thời này.

Nếu những bậc đại nhân vật, những nhân cách lớn như Đức Phật, như ngài Xá Lợi Phất chẳng hạn, thì những vị đó tu hăng hà sa số đại kiếp. Cho nên ở đây nhắc lại sơ sơ nội dung mà tôi đã nói nhiều lần là Giới - Định và Tuệ. Giới và Định thì mình đã biết nhiều kiếp rồi nhưng nó không gắn liền với lý tưởng.

Còn bây giờ biết Phật pháp rồi thì giữ giới, tu thiền bằng lý tưởng giải thoát, nó lại khác đi. Chỉ khi nào Giới - Định - Tuệ gắn liền với lý tưởng giải thoát thì nó mới dẫn đến giải thoát. Còn nếu như mình tu tập, tu thiền mà không gắn với lý tưởng giải thoát thì không được.

Sẵn đây tôi hơi lạc đề, tán ra một chút: ngay cả mình tu Tuệ là mình quán chiếu vô thường, khổ, vô ngã trong từng sinh hoạt lớn nhỏ, trong từng hơi thở vào ra, nhưng nếu ba-la-mật mình yếu thì mình không có khả năng tu tập như trong Kinh đề nghị. Là sao?

Trong Kinh đề nghị mình thở ra chỉ ghi nhận mình thở ra, chớ không có “tôi” thở ra. Trong bản tiếng Việt mình thấy rõ ràng: “Tỳ kheo đang thở ra biết rõ tôi đang thở ra”. Thì tôi đã nói không biết bao nhiêu lần: sao có cái “tôi” này? Là bởi vì bản văn được viết bằng tiếng Pali. Pali là một trong những ngôn ngữ có chia. Cho nên khi nói vị tỳ kheo thở ra biết rõ rằng tôi đang thở ra, thì cái chỗ “tôi” đó là (...), bắt buộc phải chia. Khi chia như vậy thì các dịch giả phải dịch là “tôi”. Chứ thực ra không có “tôi” đang thở ra, mà chỉ là “đang thở ra”, chỉ có “đang thở ra, thở ra dài, thở ra ngắn”. Chỉ như vậy thôi.

Rồi khi tâm sân, si, bất thiện, tâm thiện, tâm lành xuất hiện thì mình chỉ ghi nhận: “Đây là tâm tham, tâm sân, đây là ganh tị, bòn xén”, chớ ở đây không hề có “tôi”. Cho nên coi Kinh mà không khéo là coi chừng mình bị chết trong chữ nghĩa. Nghe!

Hoặc giống như mới nãy tôi mới nói chuyện với một Phật tử ở đây. Tức là trong sách thiền có ghi: “Hành giả không bao giờ nên sống trong ngộ nhận ‘tôi’ như thế này, ‘tôi’ như thế kia. Mỗi lúc đi, đứng, nằm, ngồi, hành giả luôn biết rõ đây chỉ là danh

với sắc thôì”. Đó là một cách nói mà nhiều người hiểu lầm. Cứ đang đi, thay vì họ biết là đang đi, họ lại ghi nhận là “sắc đang đi”. Đó là sai! Mặc dù trong sách thiền ghi như vậy đó.

Cái biết đây không phải là lúc đó mình niệm “sắc đang đi”, mà cái biết nó giống như hồi nãy tôi có ví dụ: mình biết tấm thân này là do mẹ tạo ra chứ không phải bà hàng xóm. Cho nên khi mà bà ngoại dặn: “Con phải có hiếu với má. Con làm gì con làm cũng phải nhớ hình hài này của con là do má tạo ra. Con làm gì cũng phải nhớ như vậy”. Thì cái nhớ đó không có nghĩa là dẹp hết mọi chuyện làm ăn, tối ngày cứ niệm: “Má ơi má, má đẻ con ra, má sanh con ra”. Không phải vậy! Mà cái câu nhắc chừng đó cho mình nhớ là đừng bao giờ hiểu lầm cái thân này là của bà hàng xóm tạo ra. Bà ngoại nhắc như vậy. Lời dặn đó mình không hiểu theo kiểu trẻ con, tối ngày cứ niệm: “Hình hài này của má tạo ra, hình hài này của má tạo ra...”.

Tôi nhắc lại, nội dung Tứ niệm xứ là gì? Đó là có hai phần:

Một là chánh niệm liên tục. Bởi không chánh niệm thì không có trí.

Thứ hai là buông bỏ. Hành giả chỉ ghi nhận cái gì đang xảy ra, chứ không dính kèm khái niệm “tôi” và “của tôi” vào trong đó. Nhớ cái này, rất quan trọng!

Vậy nội dung Tứ niệm xứ chủ yếu chỉ có hai. Một là niệm. Không bao giờ quên mình, luôn luôn biết mình làm cái gì, nghĩ gì, cảm giác gì. Và thứ hai là buông bỏ.

Đa phần hành giả Việt Nam mà tôi được biết thì cái chánh niệm họ còn nhớ, còn hiểu, còn làm được, nhưng vụ thứ hai hơi khó. Trong những hành giả mà tôi tiếp xúc, tôi thấy không có ai, chứ không phải là 1% nữa, là nhớ cái điều buông bỏ. Luôn luôn nhớ rằng chỉ có danh và sắc thôì, chỉ có sanh và diệt, chỉ có thiện và bất thiện. Chớ ở đây không hề có cái vụ mà “Tôi lúc này khá, tôi bây giờ tệ hơn tuần rồi, bây giờ tôi khá hơn tuần rồi, tôi vui, tôi hoan hỷ quá...”, thí dụ vậy là không được.

Ở đây chỉ có cái “biết”. Biết đây là thiện, đây là bất thiện. Chỉ biết vậy thôi. Chớ còn gắn liền khái niệm “tôi” và “của tôi” vô đó là thua. Mà bậy nhứt là hãnh diện, tự kiêu, tự đắc, tự hào là mình hơn người khác là sai bét! Trong pháp môn Tứ niệm xứ nói riêng và trong Phật pháp nói chung không hề có một chỗ nào cho phép mình làm chuyện kỳ cục đó, nghe!

Nhưng người ba-la-mật non kém, học ba mớ thấy mình hay, tu ba mớ thấy mình hay, giới ba mớ thấy mình hay, bố thí ba mớ thấy mình hay, phục vụ ba mớ, làm công đức ba mớ thấy mình hay, thì cái đó là thua rồi! Tu Tứ niệm xứ là chánh niệm liên tục và thứ hai là buông bỏ. Mình khổ chỉ vì ngày xưa mình sống bất thiện, còn bây giờ mình sống thiện, nhưng mà cũng không luôn rời ý niệm “tôi” và “của tôi”. Nhớ nghe.

Nói đến Giới - Định - Tuệ mà cứ quên cái vụ này là không được! Giới là để mình tiếp tục không làm bậy nữa, chớ không phải để mình hay. Định cũng vậy, Tuệ cũng vậy. Nghe, không có!

Bởi vậy tôi mới nói đi nói lại là: “Khi mình muốn khoe thì mình không có gì để khoe. Mà khi mình có cái để khoe thì mình không còn muốn khoe nữa”. Thì xin hỏi ở đây cái gì là đáng để khoe? Dạ xin thưa, cái ý niệm mà không thèm khoe nữa. Cái trình độ đủ để khiến mình không còn thích khoe nữa, cái trình độ nếu mà muốn khoe thì cái đó đáng để khoe.

Bây giờ qua bài Kinh tiếp theo.

Bài Kinh số 2 - Rời khỏi

Bài Kinh tiếp theo y chang như vậy. Ở đây có chữ “papatito” đồng nghĩa với chữ “cuto” là chết. Ở đây ngài Minh Châu dịch sát, chỗ này Ngài lại không đối chiếu với Chú giải.

Trong bản tiếng Việt, đoạn thứ hai nói thế này: “Người không thành tựu bốn pháp này, này các tỳ kheo, bị rời khỏi pháp luật này”. Nhưng trong Chú giải đề nghị mình

hiếu thế này: “Này các tỳ kheo. Không có thành tựu bốn cái này thì bị xem là kẻ đã chết trong giáo pháp. Bị xem là một xác chết trong Phật pháp”.

Cho nên có một đoạn Kinh đức Phật ngài dạy rằng: “Này các tỳ kheo, trong giáo pháp bậc Thánh, một tỳ kheo vừa hoàn tục là bị xem như kẻ vừa từ trần”. Có một bài Kinh như vậy. Một tỳ kheo hoàn tục bị xem là một người vừa từ trần.

Còn ở bài Kinh này Ngài nói một cách khác. Người không có Giới - Định - Tuệ và Giải thoát thì bị xem là cái xác chết ở trong giáo pháp này. Xác chết đây là kẻ đã chết. Kẻ đã chết này là xác chết.

Thí dụ nói ông Trần Văn A ông chết rồi. Thì khi mình tới gặp ông, lúc bấy giờ không còn ông Trần Văn A nữa, mà chỉ còn là cái xác của ông Trần Văn A. Ở đây cũng vậy. Vị tỳ kheo không có được bốn pháp này thì bị xem là kẻ đã chết, bị xem là một xác chết. Kẻ đã chết nghĩa là chỉ còn lại cái xác thôi.

Trong Chú giải phần này tập trung giải thích câu kệ thôi. Câu kệ ngài Minh Châu dịch thế này: “Sau khi chết họ rơi, bị rơi, họ tham ái, do vậy họ trở lại một lần nữa tái sanh.”

Đã làm việc phải làm, đã thích việc đáng thích, người ấy được an lạc. Do an lạc đã đến”.

Cái câu này đọc rất tối nghĩa. Nhưng trong Chú giải chỗ này sáng trưng. Chú giải nói thế này: “Một vị tỳ kheo mà thành tựu được Tam học thì coi như thành tựu được Thánh trí. Tức là thành tựu được bốn pháp: Giới, Định, Tuệ và Giải thoát”.

Rất nhiều người Phật tử của mình cứ nghe nói đến Bát Thánh Đạo, nghe nói Giới, Định, Tuệ thì thấy nó rất là thiêng liêng và xa lạ. Thật ra bốn cái này là lẽ sống của người học Phật, tin Phật và tu Phật. Bốn cái này là lẽ sống, là lý tưởng phải có, phải theo đuổi, phải tôn thờ ở bất cứ ai chán sợ sanh tử.

Chứ còn Phật tử mà nghe nói đến Giới, Định, Tuệ thấy cái đó là xa lạ, nghĩ tới hàng xuất gia là chết. Nghe! Bởi vì trong trường hợp đặc biệt nào đó thì hàng xuất gia và cư sĩ khác nhau. Nhưng trong lý tưởng tu hành giải thoát thì cư sĩ và người xuất gia hoàn toàn không khác biệt. Vì cả hai đều là khách trần luân. Cả hai đều là kẻ sanh tử. Cả hai đều là phàm phu như nhau. Cho nên trách nhiệm tu hành của người xuất gia như thế nào thì người cư sĩ cũng phải y chang như vậy.

Có một điều là khi tóc tai mình còn, áo quần, nhà cửa mình còn, gia đình mình còn thì mình tùy duyên mà hành trì Tam học. Nghĩa là không đủ duyên xuất gia thì mình đành phải hành trì Tam học trong điều kiện của người cư sĩ. Chứ còn nếu có điều kiện thì vẫn nên xuất gia, vì rất nhiều lần Đức Phật đã xác nhận: “Này các tỳ kheo, đời sống cư sĩ khó mà có một nếp phạm hạnh trong sạch như vỏ ốc”. Bà con có thể vào Google đánh “phạm hạnh trong sạch như vỏ ốc” mà tìm đoạn kinh đó. Nhiều lần và vô số lần trong kinh, Đức Phật nhấn mạnh cái đó.

Ngài dạy rằng một người thành tựu Tam học, thành tựu là tu tới nơi tới chốn, thì mới có thể có được giải thoát. Ở đây, trong bản tiếng Việt có câu này mình đọc khó hiểu. Bốn câu trên nói cho người phàm phu không có tu hành gì hết, có nghĩa là cứ chết đi rồi sanh lại, sanh xong rồi chết rồi lại sanh. Còn bốn câu sau dành cho người tu hành: “Đã làm việc phải làm. Đã thích cái đáng thích”.

Là sao ta? Có nghĩa là trong vòng luân hồi mình thích tùm lum hết. Ở chỗ này sâu nè: do vô minh trong Bốn Đế, mình không hề biết rằng hình thức hiện hữu nào cũng là khổ. Mình không biết, cho nên mới thiết tha cái này, mong mỏi cái nọ.

Mình không hề biết rằng trong cái chuồng heo thì cái góc nào cũng là cái chuồng heo. Mình không hề biết rằng trong đồng phân thì chỗ nào trong đồng phân cũng là phân. Mình không biết rằng mình đang ở trong vùng đất của địch thì chỗ nào cũng là nguy hiểm. Mình không biết rằng ở trong ngôi nhà đang cháy thì chỗ nào cũng có thể bị cháy. Mình không biết cái đó. Mà mình cứ tưởng trong vùng đất giặc, chỗ nào có hoa thơm cỏ đẹp thì chỗ đó an toàn, đáng để mình cất nhà ở.

Các vị biết Trung Quốc thời xưa, thời Thiết Đan, Tây Hạ, giặc phương Bắc đó nó quấy nhiễu vùng biên thù, ở vùng biên giới khổ dữ lắm. Đã là vùng xôi đậu mà, ban ngày thì ta, ban đêm thì địch, như miền Nam trước 1975, khổ dữ lắm! Ở vùng đất mà có những người sẵn sàng giết mình, hành hung, cưỡng bức mình. Những vùng đất vậy dù có góc nào đẹp cách mấy đi nữa mình cũng phải ra đi.

Nhưng phàm phu không hiểu được Bốn Đế, không biết rằng mọi hiện hữu là khổ, cho nên thích cái này, thích cái kia. Bi kịch nằm ở chỗ này: nếu mình đắc thiên, mình sanh về cõi Phạm thiên mà mình thích trong đó là đã bấy rồi, mà cái này còn bấy hơn. Là do ác nghiệp mình phải sanh làm heo, chó, mèo, chuột, gà, vịt, trùn, dế. Mà hễ mình sanh về cảnh giới nào thì mình bèn thích cảnh giới đó mới ghê!

Sanh làm một đứa bé nhà quê hái co, hái củ súng, mò cua bắt ốc, tối ngày ngập trong sinh vậy chứ vui lắm. Họ vui theo kiểu đời sống nông thôn. Rồi một cậu ấm, cô chiêu, công tử, tiểu thư con nhà giàu thì họ lại vui, mê đời trong điều kiện họ có. Người da đen ốm đói quanh năm lại cũng yêu đời theo kiểu người châu Phi. Mà dân Âu Mỹ sung sướng, được ăn học, được hưởng thụ bơ sữa, hưởng thụ bao nhiêu điều kiện sinh hoạt, họ lại mê đời theo kiểu điều kiện họ có.

Nói như vậy có nghĩa là khi chúng ta là con giòi thì chúng ta đam mê môi trường của một con giòi. Khi chúng ta là một ông hoàng, ta lại mê môi trường sống của một ông hoàng. Chúng ta là một vị Phạm thiên thì chúng ta lại mê cõi phạm cung. Chúng ta là vị Dục thiên, ta lại đam mê cảnh trời Dục giới. Chúng ta là một con người, dầu là nam, nữ, đẹp, xấu, da vàng hay da trắng, thì chúng ta cứ đam mê chết dí trong bối cảnh mình có.

Đây là nội dung tôi cho là rất quan trọng mà tôi muốn nói đi nói lại rất nhiều lần. Cứ nhớ câu này: “Ngày nào còn là phàm phu thì khuynh hướng ghi chặt, ôm cứng luôn luôn là một phần của phàm tánh. Cứ sanh ra trong bối cảnh nào là chúng ta mê mết trong cảnh đó, mặc dù do ác nghiệp quá khứ mình mới sanh vô trong bối cảnh đó. Do tội ác quá khứ mình mới sanh vô trong bối cảnh đó”.

Vậy đó mà lọt vô đó rồi mình lại mê mới ghê chứ! Quý vị biết tôi ớn nhất cảnh làm dâu. Tự nhiên ba má cưng chiều như trứng như hoa, tưởng sao về nhà người ta làm dâu, nó hành hạ đầy đọa, miễn sao có chồng là thấy khoái. Rồi đẻ ra đứa con bụ bẫm, rồi tất cả cái gì vì con cũng làm được hết. Tôi nhìn cái cảnh đó tôi ngán quá!

Tôi nói bà con nghe, tôi ở một mình, nhiều bữa phải đi chợ, trưa nắng chang chang hoặc trời đổ tuyết buổi chiều mà kéo cái xe thức ăn đi lên dốc, đi xe công cộng mà. Vừa kéo mà suy nghĩ: trời đất ơi, có cái thân này phải có cái chuyện ăn uống, chuyện nặng nhọc. Rồi lên rồi sắp xếp cái nào để ở đâu. Nghĩ mà phải đi tắm rồi cũng ngán. Cái thân này hôi hám, dơ bẩn, phải tắm rửa, phải kỳ cọ. Rồi mỗi tháng trả tiền điện nước, rồi giặt mùng mền, da khô rứt đầy. Rồi phòng dọn quét hoài bụi bặm. Rồi vì thân mà nó ra đủ chuyện.

Mỗi lần đi đứng, xê dịch trên đường, phải nhớ cái thân này là cái thùng rác... Quý vị có thể nghĩ tôi đạo đức giả, chớ nói thật tôi bệnh nhiều lắm rồi. Già rồi, mà nhớ mình đi trên đường mình mang cái ổ bệnh trên người, đang mang cái thùng rác trên người, đang mang cái chết lê trên đường. Ngày xưa thì còn trăng thanh gió mát, hoa thơm cỏ lạ. Còn bây giờ cứ phải tưởng tượng mình lê nó đi!

Trong Chú giải nói thế này: “Khi hiểu được Bốn Đế, vị ấy không còn thích cái gì nữa hết. Cái mà vị ấy quan tâm là không còn sanh tử nữa.”

Cái mà vị ấy thiết tha là không còn gì để thiết tha nữa, thiết tha cái trạng thái không còn thiết tha.

Có một ông thiện nam đến học đạo với vị La-hán. Vị La-hán dạy ông:

“Làm phước nhớ nguyện nghe con.”

Ông mới hỏi:

“Con từng nghe nói mình tu hành mình đừng ước mong cái gì hết mà?”

Thì vị ấy trả lời:

“Con làm phước con nguyện là sẽ có một ngày con không còn gì để nguyện nữa, con không còn gì để ước ao tha thiết nữa.”

Chỉ mong vậy thôi. Bởi vì còn nguyện là còn cưu mang gánh nặng. Dầu cái nguyện đó là nguyện có trí tuệ, nguyện giàu có, nguyện nhan sắc, nguyện sức khỏe, nguyện đắc chứng... Hễ còn nguyện có nghĩa là còn có chuyện để làm!

Tôi nhắc lại, trong bốn đoạn kệ này, Chú giải giải thích rất là hay:

“Ngày nào còn tha thiết với thân này thì còn tha thiết với thiên định. Người biết thiên định mới biết nghĩ đến thiên quán. Có thiên quán mới có Đạo quả. Có Đạo quả mới nếm được hương vị Niết-bàn.”

Thường phàm phu mình chỉ chết trong cái này. Phàm phu mình được cái gì là chết dí trong đó. Tôi là người đàn bà có nhan sắc, thế là với tôi nhan sắc là tất cả. Tôi làm mọi chuyện để bảo vệ nhan sắc của tôi. Tôi là người thích ăn ngon mặc đẹp thì tôi làm mọi cách để tôi được ăn ngon mặc đẹp. Tôi là người đam mê quyền lực, chức vụ, tôi làm mọi cách để tôi có được quyền lực, chức vụ. Mà tưởng sao, tất cả mọi cái mà tôi có được chỉ là sự quẩn quanh thôi, quý vị.

Cho nên trong Chú giải nói thế này: còn mang thân nhân loại thì mình luôn nghĩ đến cái gì gần gũi với mình. Tôi là người thích ăn thì tôi luôn nghĩ tới món nào ngon hơn, đắt tiền hơn, quý hiếm hơn. Như vậy tôi mới có nỗ lực. Còn không thì như thú vậy đó, nghĩa là tôi cứ chìm sâu trong thế giới tôi đang có mặt, như vậy đời đời tôi không khá được. Mà tôi muốn khá thì tôi phải nghĩ tới cái gì khá hơn cái mà tôi đang có. Thì cái thích đó mới được gọi là cái đáng thích.

Mà đừng dừng lại giữa chừng, đi là phải đi cho tới. Mang thân nhân loại này ai cũng mong mình có nhan sắc, mình có sức khỏe. Nhưng nếu có trí chút xiu, mình nhớ lại cái nhan sắc của tinh thần đáng quý hơn nhan sắc của thân xác. Sức khỏe của tinh

thần đáng quý hơn sức khỏe của thân xác. Bao nhiêu chòm đèn pha lê trong nhà không bằng chòm đèn trong đầu của mình, chòm đèn trí tuệ. Cái cơ bắp của thân xác không bằng cơ bắp trong tâm hồn.

Cơ bắp thân xác là khả năng làm việc nặng nhọc được, sức dẻo dai. Còn cơ bắp tâm hồn là khả năng đối phó với bao nhiêu chuyện đời, mình không dễ ngã gục, đó chính là sức khỏe tinh thần. Ánh sáng cũng vậy. Mình nhớ là ánh sáng tinh thần hay hơn ánh sáng bên ngoài. Nhan sắc tinh thần hay hơn nhan sắc bên ngoài.

Người học đạo lúc nào cũng phải biết nghĩ tới cái tốt hơn. Cho nên trong đây nói:

“Từ hạnh phúc thấp biết nghĩ tới cái cao. Từ hạnh phúc của nhân loại biết nghĩ tới hạnh phúc của chư thiên. Từ niềm an lạc của người tu thiền, mình phải biết nghĩ tới niềm an lạc của người tu Tứ niệm xứ. Rồi từ an lạc của người tu Tứ niệm xứ phải biết nghĩ tới sự an lạc của một bậc Thánh. Thì khi chứng Thánh rồi, vị đó chỉ mong Niết-bàn thôi.”

Trong Kinh nói rằng Đức Phật và nhiều đệ tử của Đức Phật mà có được thiền định cao cấp, như thiền vô sắc, thì các vị thường xuyên nghỉ ngơi bằng cách nhập thiền. Nhập thiền có nhiều cách, trong đó có cách nhập thiền Diệt thọ tưởng định, tức là thiền không có tâm.

Nghĩa là trong suốt một ngày, hai ngày, năm ngày, bảy ngày, vị ấy chỉ là một cái xác chết. Thân xác vị ấy chỉ khác cái xác ở chỗ là còn hơi ấm thôi. Chớ còn vị ấy hoàn toàn không biết gì hết, vị ấy tương đương một xác chết.

Bởi vì khi chứng Thánh rồi mình mới thấy là giây phút nào còn phải ăn uống, tắm rửa, đi đứng, nói năng là còn cái phiền, còn mỗi một. Đến cảnh giới tâm linh cao cấp là như vậy, là thấy tất cả đều là phiền.

Tại sao ông Hải Thượng Lê Hữu Trác, danh y Việt Nam, lấy hiệu là Lãn Ông, nghĩa là “ông già làm biếng”? Ông già làm biếng đây không theo cách nghĩ của mình đâu.

Nó xuất phát từ hai câu thơ của ông:

“Thiện diệc lãn vi hà huống ác.

Phú phi sở nguyện khởi ưu bần.”

Việc lành ta còn lười làm, nói gì việc ác. Giàu có ta không ham thì ta sợ gì sự nghèo khó.

Tại sao mình thích giàu? Là tại vì mình sợ nghèo. Ý ông là chuyện giàu nghèo, thiện ác đều không còn màng nữa. Tuy ông là người phàm, ông nói về ông, nhưng câu này rất đúng cho định nghĩa quả vị La-hán. Các ngài thấy là bao nhiêu công đức đi nữa thì về các cõi cũng là sự quẩn quanh. Các ngài thấy đời sống một ông hoàng hay đời sống một con chuột trong ống cống có một điểm giống nhau tuyệt đối, đó là “danh” và “sắc” luôn luôn sanh diệt chớp nhoáng tiếp nối nhau mà có mặt. Chỗ này trong room ai không quen học A-tỳ-đàm không hiểu nổi.

Tôi nhắc lại, mình là một vị Phạm thiên, một Đế Thích hay một ông hoàng trên mặt đất này, hay một con chuột, một con giòi, thì đời sống tâm sinh lý mình nó luôn sanh diệt liên tục trong từng giây, chứ không phải là phút, mà từng giây, nhanh hơn giây nữa.

Cho nên mình nói là “tôi có một buổi chiều đẹp, tôi có một đêm trăng rất thú vị” là bởi vì đang sống bằng cái ngộ nhận. Kể cả bậc Thánh, như Đức Phật Ngài khen một đêm trăng đẹp, dĩ nhiên không phải Ngài ngộ nhận như mình mà Ngài “phương tiện” nói vậy. Vì một lý do nào đó các ngài nói như vậy. Chớ các ngài không thưởng thức đêm trăng hay buổi chiều vàng, một buổi nắng sớm như phàm phu mình. Nhớ nhe!

Bởi vì các ngài biết rất rõ. Cái mà mình gọi là “một buổi chiều thú vị, một đêm mưa khó quên hay một buổi chiều lãng mạn...” là do mình hiểu lầm. Chớ nếu mình thấy rằng thân tâm mình sanh diệt chớp nhoáng, nếu mình nhắm mắt ngồi yên, định thần lại, thì thấy cảm giác dễ chịu hiếm hoi vô cùng, thừa quý vị.

Cái thân này nè. Trong room này tôi đoán không lầm, toàn là người ham chơi huyên mới vô đây ngồi nghe, không thì đi tu thiền hết, ai vô đây làm chi!

Cho nên phải nói nếu mình ngồi yên lại, lắng tâm ngồi yên một chút xíu sẽ thấy rằng nó khổ nhiều lắm. Cái tâm mình cũng vậy. Trong một ngày, trừ ra tám tiếng ngủ, sáu tiếng ngủ, toàn phần thời gian còn lại, tôi bảo đảm với bà con, cái giây phút mà quý vị thấy vui nó hiếm vô cùng. Vui vẻ, toại nguyện, như ý, hiếm vô cùng. Đó là nói về cảm giác. Còn nói về tính chất thiện ác thì trong một ngày, cái giây phút mà quý vị bất thiện nó nhiều gấp mấy chục lần giây phút mà quý vị sống thiện.

Thiện đây là từ bi, trí tuệ, chánh niệm, kham nhẫn, thiền định, bao dung, thương yêu chúng sinh khác...

Nghĩa là sống thiện nó chỉ bằng một phần trăm sống ác. Còn cái khổ vui cũng vậy, cái vui chỉ bằng một phần trăm cái khổ trong tổng thời gian một ngày. Nhớ nhe!

Các vị Thánh biết rất rõ cái này. Vị Thánh không còn phiền não, không còn ác nữa, nhưng các ngài thấy cái khổ nhiều hơn cái vui của cả thân lẫn tâm. Chính vì điểm này các ngài không nhìn đời qua lăng kính màu xanh, màu hồng như mình nữa. Chỗ này quan trọng lắm, nhe!

Trong này giải thích vậy, nghĩa là làm sao từ cái vui này biết nghĩ tới cái khác cao hơn, để cuối cùng không còn vui nữa. Ở đâu có vui, ở đó có khổ. Khổ và vui là cặp bài trùng. Một lý do rất toán học, rất thuyết phục. Bởi vì tất cả cái vui nó đều là giải pháp cho một cái khổ nào đó. Đây là lý do tại sao Kinh nói đời là khổ. Bởi vì tất cả cái vui, cái hạnh phúc, nó đều là giải pháp cho cái khổ nào đó.

Tôi đã ví dụ rất nhiều lần. Tôi đói tôi ăn mới ngon, tôi khát tôi uống mới đã, tôi thương nhớ da diết gặp mới mừng. Nóng quá có gió tôi mới thấy mát. Lạnh quá có phòng sưởi tôi mới thấy hạnh phúc. Như vậy tất cả mọi thứ hạnh phúc trên đời này đều là giải pháp của đau khổ, ngay cả thiền định. Mình thấy nó là an lạc là tại sao? Là bởi vì ở đó có sự vắng mặt của năm triền cái.

Ngày nào còn thương, còn thích, còn ghét, còn sợ thì ngày đó mình còn khổ. Khi đắc Sơ thiền thì năm triền cái đó không còn nữa. Thì sự vắng mặt của năm triền cái đó đem lại sự an lạc cho người đắc thiền. Sự vắng mặt tạm thời của phiền não khiến người đắc thiền thấy an lạc. Sự vắng mặt vĩnh viễn của phiền não khiến vị Thánh thấy an lạc.

Như vậy rõ ràng đó là hai bậc thượng nhân, một người đắc thiền, một người đắc đạo, mà trong khi niềm an lạc của hai người này nó cũng được tạo ra từ cái khổ. Vị A-la-hán an lạc vì vị đó không còn phiền não nữa. Còn người đắc thiền họ thấy an lạc bởi vì họ không còn phiền não, mặc dù tạm thời, nhưng ngay lúc đó họ cũng không có.

Cho nên hạnh phúc là sự vắng mặt của đau khổ, và đau khổ chính là sự vắng mặt của hạnh phúc. Cứ như vậy. Thế giới này là như vậy đó!

Mình vừa học xong bài Kinh số 2.

Bài Kinh số 3: Mất gốc (1)

Bài Kinh này mình đọc thoáng qua thấy “tán thán, không tán thán, tín nhiệm, không tín nhiệm”, thấy rất thường, nhưng mà không! Toàn bộ Phật pháp nằm trong đây.

“Người không biết Phật pháp thấy ác là hay. Biết Phật pháp chút đỉnh thấy cái thiện ba mớ của mình là hay, thấy ai hợp ý mình thì khen. Thấy cái gì đúng thì hiểu, sở thích của mình thì khen.”

Khi viết ra chữ mới thấy mình vô minh cỡ nào. Có nghĩa là đối với kẻ phạm phu mình thì cái thiện ác không phải là tiêu chuẩn, mà là cái ý thích. Ý thích đó từ đâu ra? Nó là do tiền nghiệp, do khuynh hướng tâm lý và môi trường sống.

Do tiền nghiệp, tôi sanh ra trong một gia đình Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Ấn giáo, bla bla bla... Thứ hai, do khuynh hướng tâm lý của tôi nhiều đời. Tuy tôi có anh chị em, ba má trong nhà, nhưng khuynh hướng tâm lý, cái chỗ tôi hướng về nó không giống ai trong nhà hết.

Về môi trường sống, lớn lên tôi được ăn học ở đâu, trong bối cảnh xã hội, trong môi trường sinh hoạt như thế nào, các vị nhớ còn có cái đó nữa nghe, chớ đừng nói gia đình tôi thế này thế nọ chưa đủ đâu, nó chỉ một phần thôi. Còn môi trường sống, môi trường ăn học, môi trường làm việc, cái đó quan trọng lắm!

Bữa hôm tôi đọc bài báo phân tích tại sao chuyện ngoại tình công sở ngày càng nhiều. Bà bác sĩ tâm lý nói rất có lý. Bà nói đơn giản thôi: ai mở miệng ra cũng nói gia đình trên hết, nhưng kẻ đi làm công sở, mờ sáng là đã xa khỏi mái nhà, rời khỏi cái mà họ gọi là gia đình. Cái ghế họ ngồi nhiều nhất là cái ghế ở sở làm. Căn phòng họ có mặt nhiều nhất không phải ở nhà họ mà ở sở làm. Người họ thường gặp nhất không phải người chí thân chí ái trong nhà, mà lại là người cùng sở làm. Mà nếu đó là kẻ khác phái thì ôi thôi!

Cho nên đừng coi thường môi trường sống, quan trọng lắm nghe! Cái gì mình thường xuyên va chạm, cọ xát, gặp gỡ, cọ quẹt, thì cái đó chiếm một vị trí rất lớn trong tâm hồn mình. Chính vì vậy cho nên tại sao chúng ta thích cái này, ghét cái kia. Đó là do ba lý do:

Một là tiền nghiệp nó đẩy mình vào trong cảnh giới nào.

Thứ hai là khuynh hướng tâm lý nhiều đời.

Ba là môi trường sống.

Từ chỗ này chúng ta nhận xét, đánh giá cuộc đời này thông qua ba nền tảng ấy. Còn chuyện đúng sai thì xét lại, nhưng trước mắt là do ba “ông thầy” đó. Ba “ông thầy” đó cộng lại làm nên nền tảng tâm thức của chúng ta.

Trong bài Kinh này Đức Phật Ngài dạy rằng: “Chỉ riêng chuyện tán thán, khen và chê, tín nhiệm, là tin và không tin cái gì đó trong đời, nó phản ánh toàn bộ con người mình nói riêng và toàn bộ hành trình sanh tử của mình nói chung.”

Có biết bao nhiêu người trên đời này họ chọn vô thần, không tôn giáo. Rồi biết bao nhiêu người trong đám có tôn giáo, tại sao họ chọn đạo này mà không chọn đạo kia. Rồi trong số những người theo đạo Phật ấy, tại sao có kẻ Khất sĩ, Nam Tông, Bắc Tông. Tại sao trong đám Nam Tông ấy lại chia ra nhiều phe. Có nhóm thì thích Phật giáo Miến Điện, có nhóm khoái Phật giáo Thái Lan, có nhóm khoái Phật giáo Việt Nam.

Rồi trong đám mê Phật giáo Việt Nam, có đám thích ông thầy dạy học, có đám mê ông thầy dạy thiền. Rồi trong đám mê ông thầy dạy thiền lại chia nhiều phe, thiền có phòng xệp hay không, thiền có tóc, lông, móng, răng, da. Cho nên các vị thầy, xé càng nhỏ ra, càng chi tiết ra, càng thấy trùng trùng, đúng là sum la vạn tượng trùng điệp, nhe!

Cho nên ở đây Ngài nói rằng chỉ riêng ba mảng mà tôi vừa nói nên mình thích cái này, mình ghét cái kia. Do có thích ghét mới dẫn tới chuyện khen chê. Và nó nguy hiểm ở chỗ này: khi mình thích cái gì đó, mà cái đó bất thiện thì mình chết! Mình khen cái gì đó mà cái đó là cái bất thiện thì mình chết! Mình chê cái gì đó mà cái đó lại là cái thiện, coi như mình chết!

Cho nên ngày nào chưa biết Phật pháp, không có trí tuệ, ta đi theo cái mình thích. Ngày biết Phật pháp rồi, có học hỏi, có trí tuệ rồi, ta phải chọn cái mình cần.

Trong chuyện ăn uống cũng vậy. Hồi còn bé mình ăn cái gì mình thích thôi, cái gì ngọt bỏ vô miệng, dơ cũng được, miễn cái đó có màu. Lớn hơn một chút thì không ngu như vậy nữa, nhưng nó vẫn thích ăn cái gì nó muốn thôi.

Cuối cùng, đến tuổi trưởng thành, bắt đầu thấy có những thứ nó đẹp nhưng không nên bỏ vô miệng. Có những thứ mùi thơm nhưng không nên bỏ vô miệng. Có những thứ ngọt ngay, béo ngậy, không nên bỏ vô miệng.

Từ từ nó hiểu thêm chuyện nữa là không phải cái gì đáng mình cũng tránh. Không phải cái gì cay, cái gì hôi mình cũng tránh. Mà vấn đề lúc bấy giờ là ta có cần hay

không. Chén thuốc bắc nó đắng, nó hôi, nhưng cần thì người lớn vẫn uống. Chớ có đưa con nít nào mới ba tuổi mà tự giác nó cầm bịch thuốc tán, chén thuốc bắc nó uống? Bởi vì nó không phân biệt được cái thích và cái cần.

Nhưng với một người lớn thì khi mình phân biệt được cái thích và cái cần, lúc đó chuyện khen chê mình lại khác đi.

Ở đây người biết học đạo cũng vậy. Người có học đạo, hiểu đạo, hành đạo thì chuyện thích gì, ghét gì, khen gì, chê gì phải có lý do. Cho nên bài kinh này nó sâu mà nó rộng vô bờ, quý vị.

Có nghĩa là nói gọn bằng ngôn ngữ hiện đại chúng ta bây giờ là thế này:

“Ta phải từng phút nhìn lại thị hiếu của mình để xem ta đang thần tượng cái gì, và đang chà đạp, đang lìa bỏ, đang xoay lưng lại cái gì.”

Nội dung bài kinh này nói gọn lại là như vậy. Tại vì sao? Vì toàn bộ con người chúng ta chính là những gì mà chúng ta chối bỏ, chính là những gì chúng ta theo đuổi. Toàn bộ con người chúng ta chính là những gì chúng ta thích và ghét.

Pháp có câu: “Anh nói cho tôi biết anh chơi thân với ai thì tôi sẽ nói con người anh như thế nào.” Mỹ cũng có câu gần như vậy: “Anh hãy kể cho tôi năm thứ anh ghét nhất và năm thứ anh thích nhất thì tôi sẽ vẽ con người của anh.” Những câu này rất là Phật pháp, thưa quý vị!

Mỗi một phút chúng ta đang dọn đường đi về một cảnh giới nào đó. Không phải mỗi một giờ mà là mỗi một phút ta đang âm thầm, kín đáo, lặng lẽ dọn đường để mai này mình đi về một cảnh giới nào đó, một ngôi nhà nào đó, một bối cảnh, một môi trường sống nào đó. Vì sao vậy? Vì chúng ta thích cái gì, chúng ta ghét cái gì.

Như vậy công thức sinh tử là gì? Công thức luân hồi chỉ là thích và ghét cộng với thiện ác mà ta có được.

Thích và ghét + thiện ác ta tạo = luân hồi sanh tử.

Quý vị thích ăn, quý vị làm phước bố thí, đời sau sanh ra có lộc ăn. Thích ăn ngon mà không làm công đức, đời sau sanh ra làm loài ăn tạp. Quan trọng lắm, quý vị!

Ta ghét cái gì thì mình sẽ chê cái đó, mình mạt sát nó, mình lìa bỏ nó, mình tổng khứ, quay lưng, xoay mặt với nó. Thì đó gọi là thái độ bất mãn.

Mình thích cũng vậy. Mình thích cái gì thì mình khen cái đó. Mình thần tượng nó, mình theo đuổi nó, mình kiếm tìm, đầu tư nó. Có một điều, thích đó cộng với thiện và ác; cái ghét cũng vậy, ghét nó cộng với thiện và ác.

Tôi thích cái đó mà tôi nhiều phước; quý vị cũng thích cái đó mà quý vị ít phước. Rồi tôi ghét cái đó mà tôi nhiều phước, tôi ghét cái đó mà tôi lại ít phước, thì coi coi cái thích ghét đó trộn với thiện ác của tôi nó sẽ ra cái gì. Nhớ nghe. Cái này rất quan trọng.

Nguyên bài kinh này nội dung là như vậy.

Tiếp theo là kinh Mất gốc do tà hạnh trong bốn sự.

Chữ Pali “Micchāpaṭipanna” có nghĩa là “hành xử sai quấy”, trong đây Ngài dịch là “tà hạnh”. Cái “tà hạnh” này bữa hôm tôi giải thích rồi, nó dễ hiểu lầm với “tà tâm”. Trong Kinh tạng, chữ “tà hạnh” thường 99% hiểu là “tà tâm”, có nghĩa quan hệ tình cảm với người mà xã hội, pháp luật lên án thì gọi tà hạnh.

Nhưng trong chữ Hán, một chữ “hạnh” có hai cách đọc: “hành” cũng được, mà “hạnh” cũng được. Giống như chữ “thượng” đọc hai cách: “thượng” mà trạng từ là “ở trên”, mà khi nó là động từ thì đọc “thướng”, có nghĩa là “đi lên trên”. Chữ “hạ” cũng vậy. “Hạ” là trạng từ, đọc là “hạ”, nghĩa là “ở dưới”, nhưng có trường hợp người ta đọc là “há” bởi nó có nghĩa là “đi xuống”.

Ở đây chữ “hạnh, hành” trong bản tiếng Hán tôi nghi ngờ do Ngài thích. Chớ ở đây “hạnh” hay “hành” thì cũng là một chữ. Xin các vị tham khảo thêm trong tự điển Hán Việt.

“Tà hành” là hành xử sai quấy. Đối với bốn đối tượng này, cũng trong Tăng Chi bộ, Đức Phật Ngài dạy có bảy thứ lửa trên đời này. Như cha mẹ cũng là lửa, Thánh nhân, sa môn, bà-la-môn cũng là lửa, mà phiền não cũng là lửa.

Lửa là gì? Là những cái có thể đốt cháy mình. Tham, sân, si là lửa đã đành. Nhưng đối với những bậc hữu ân, những bậc đức độ, họ cũng là lửa, nhưng không giống như bất thiện, mà họ là lửa theo nghĩa khác.

Có nghĩa là đối với lửa mà mình biết cách thì lửa đem lại cho mình nhiều lợi ích. Nhưng nếu không biết cách, mình sẽ bị phỏng lửa. Nghe!

Ở đây với bốn đối tượng là song thân và hiền thánh. Hiền thánh đây là chư Phật và đệ tử các Ngài. Bài kinh này nếu đọc thoáng qua mà không giải thích thì sẽ thấy huề vốn, nghĩ là: “Ồ, mấy chuyện này tôi biết mà, không cần đọc kinh tôi cũng biết là bốn đối tượng này tôi đâu dám đụng tới đâu.”

Nhưng mà không! Bài kinh này không hiểu theo nghĩa nghèo vậy, mà nó rất sâu.

Có nghĩa là trong tâm khảm mỗi người, và mỗi ngày, mỗi phút ta đã nghĩ gì về các đối tượng ấy. Nhiều người không biết rằng cách nghĩ hiện giờ của mình đang chống báng hiền thánh, mình không biết.

Thí dụ bây giờ tôi biết có rất nhiều Phật tử, những người quen của tôi chớ tôi không nói người đời nghe, họ có một cách nghĩ rất là nguy hiểm. Nghĩa là vị sư nào họ mến thì sao họ cũng chấp nhận, mà vị nào họ không thích rồi thì họ chà đạp, phỉ nhổ, chống báng bằng thích thì thôi. Nếu đó là ông phạm tăng thì quá may mắn rồi, mà nếu chẳng may người đó là một ông Thánh thì có phải chết không!

Đây là một cách suy nghĩ rất nguy hiểm, các vị nhớ không. Tôi nhắc lại lần nữa, làm ơn bỏ thói quen đánh giá người khác từ góc độ tình cảm thương, ghét của mình. Cái này rất nguy hiểm.

Mặc dù giờ trước mặt mình không có Phật, không có Thánh, nhưng cái kiểu đánh giá người ta bằng thương ghét, võ đoán, thì coi chừng gieo họa đời sau kiếp khác gặp Phật, gặp hiền thánh, mình cũng ứng xử kiểu đó là chết chắc!

Trong kinh nói Ngài Ca Diếp có một người đệ tử phóng dật, thất niệm, dễ người. Ngài la: “Đừng có như vậy.” Ngài la một lần ông sợ, hai lần ông khó chịu, ba lần ông thù, ông hoàn tục.

Mà ông ghét Ngài đến mức bữa đó ông đợi Ngài đi vắng, ông đốt cái cốc của Ngài mới chịu. Ông đốt xong, ông chết sanh làm loài ngạ quỷ. Có nghĩa là nếu mình nhận xét, đánh giá một người từ góc độ tình cảm mà không từ lý trí thì đây là một đại họa.

Bài Kinh này nếu đọc thoáng qua không thấy gì đặc biệt, bởi ai mà không biết là nếu mình cư xử càn quấy với cha mẹ và các bậc hiền thánh thì là tội lỗi. Tuy nhiên, chỗ sâu của bài Kinh này là:

“Cách nghĩ của mình mỗi ngày có thể không trực tiếp chống báng hiền thánh, nhưng một cách kín đáo, lặng lẽ, âm thầm và gián tiếp, nó mở đường cho mình sau này đi ngược lại.”

Trong Chú giải nói rất rõ. Đó là ai? Chẳng hạn như ông Đề Bà Đạt Đa, ông chống đức Phật. Đệ tử ông Đề Bà Đạt Đa là ông Kokalika thì chống ngài Xá Lợi Phất, ngài Mục Kiền Liên.

Trong đây nhắc tới một nhân vật là Mittavindaka. Anh chàng này là một người con bất hiếu. Có lần anh xin mẹ đi biển buôn bán, làm ăn xa. Bà má nói không được, nhà có hai mẹ con, mẹ già sức yếu, con đi vậy thì nguy hiểm quá, mẹ ở nhà không yên.

Anh mới nói:

“Đúng ra con không xin mẹ nữa, chỉ báo mẹ biết. Mẹ đồng ý không đồng ý con cũng đi.”

Bà mẹ thấy thẳng con xách tay nải bỏ đi, bà mới chạy theo nắm lại. Thì đứa con hươ chân đạp bà một cái, bà lăn ra đất rồi nó bỏ đi luôn.

Trong Kinh nói ngay cái khoảnh khắc đó, vì tấm lòng bà mẹ quá cao rộng mà đứa con thì lòng đang sân si cực độ với bà mẹ, cản trở nó đi làm sự nghiệp. Cho nên do cái nghiệp đó, lúc nó đi tàu trên biển thì tàu chìm. Nó trôi giạt vào hoang đảo.

Anh chàng này cũng do có nhiều cái phước nên giạt vào hoang đảo cũng được cho đồ ăn thức uống. Nhưng do nghiệp bất hiếu với mẹ xui khiến, anh gặp người con gái trên đảo rất đẹp mà không biết cô gái này là nga quý. Do cái nghiệp khiến anh không thấy được trên đầu con nga quý này có một bánh xe bằng sắt, giống bánh xe của Kim Luân Pháp Vương trong Thần điêu đại hiệp, mà suốt ngày bánh xe sắt cứ quay vù vù, siết vô đầu nga quý.

Nhưng trong mắt người bị trọng nghiệp bất hiếu với mẹ, anh lại nhìn thấy nga quý này là cô gái đẹp. Rồi anh nhìn thấy vòng sắt quay trên đầu của cô là tràng hoa tuyệt vời. Tiếng cô kêu khóc, anh lại nghe là tiếng cười nắc nẻ duyên dáng. Anh mới đề nghị đeo thử vòng hoa, cô tháo ra đưa cho anh. Tới chừng chụp lên đầu anh rồi thì anh mới biết đó chỉ là ảo giác thôi.

Câu chuyện thứ hai là vua A Xà Thế đã hành xử sai quấy với cha ruột của mình là Bình Sa Vương. Đề Bà Đạt Đa thì hành xử sai quấy với đức Như Lai. Còn Kokalika là đệ tử lớn của Đề Bà Đạt Đa thì hành xử sai quấy với ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên.

Nguyên do Kokalika ghét ngài Mục Kiền Liên là có một lần hai vị đi đến thành phố chỗ ở của Kokalika. Khi hai vị gần đến thì có tin đồn có hai vị trưởng lão sắp đến thành phố đó. Ông mới nhân dịp đi quyên góp, kêu gọi mọi người cúng dường, mua này sắm cái kia, trang hoàng tùm lum hết.

Nhưng khi hai vị trưởng lão biết vậy thì hai vị tránh, không tới chỗ mà ông đã chuẩn bị trang hoàng đó, vì ông lợi dụng để kiếm danh kiếm lợi thôi. Đó là lý do ông hận hai vị, vì cho là hai vị làm ông bẽ mặt.

Về sau ông lại thấy hai vị này đi nhận ở một chỗ khác nên nói xấu, cho rằng hai vị này đâu phải là Thánh, mà là người ham hố, lỗ bịch, đa tham đa dục, chớ thánh hiền gì. Ông đi tuyên truyền nhiều người với cả cư sĩ và chư tăng, nhiều người a thần phù theo ông.

Nhiều người khuyên là không nên, hai vị đó không phải cầu danh cầu lợi đâu mà là Thánh. Cuối cùng có một vị trời xuống nhắc ông, nói hai vị này là Thánh, đừng nói họ như vậy. Nhưng do ông căm ghét, cộng với biết Đề Bà Đạt Đa không thích hai vị này nên ông càng có cớ.

Khi ông nói xấu như vậy thì toàn thân ông bị trở quả nghiệp, mọc mụn nhỏ từ hột đậu rồi lớn như hột táo, cuối cùng to như trái nhãn, bể ra thành mủ. Toàn thân ông tanh hôi mủ máu, không ai chữa được. Cuối cùng ông đọa địa ngục.

Cho nên nhớ nhe. Tôi nhắc lại lần nữa, bài Kinh này sâu là gì. Nghĩa là không phủ nhận bậc Thánh, không phủ nhận người ơn như cha mẹ đã đành. Mà khi đọc bài Kinh này, mình tâm niệm một điều. Thứ hai nữa, năm đăng sau những trang Kinh này đó là: dầu mình không trực tiếp chống báng hiền thánh, nhưng cẩn thận coi chừng mình đang sống theo cái kiểu dọn đường cho mai này.

Nghĩa là mình đánh giá, nhận xét một ai đó thông qua những cơ sở rất vô lý, rất thiếu thuyết phục. Điều đó là không nên! Và cũng trăm ngàn lần tôi nói rõ lại ở đây là tôi không hề có dụng ý tuyên truyền, nhồi sọ các vị. Mà chỉ đơn giản tôi nhắc một chuyện quan trọng, đó là muốn tin cái gì, muốn bác cái gì thì cũng phải có nền tảng trí tuệ.

Tây có một câu thế này:

“Muốn biết cái tốt của một người thì đừng có hỏi bạn anh ta. Muốn biết cái xấu của một người thì đừng hỏi kẻ thù của anh ta.”

Ok, giờ qua bài Kinh khác.

BÀI KINH SỐ 5 - THUẬN DÒNG

Bài Kinh này gồm bốn vấn đề. Có bốn hạng người:

Hạng thứ nhất là Anusotagami, là người xuôi dòng.

Hạng thứ hai là Patisotagami, là người đi ngược dòng.

Thứ ba là Thitatto puggalo, là kẻ đứng chững lại, không tới không lui.

Hạng thứ tư là Tinno parangato, là kẻ qua được bờ bên kia.

Các vị còn nhớ, trong tiếng Sanskrit “Gate gate paragate parasangate bodhi svaha”, đó giờ mình học Kinh chữ phiên âm không hà, “yết đế yết đế” là “gate gate”, “paragate parasangate bodhi svaha”. Thực ra “paragate parasangate” đồng nghĩa với “parangato”, kẻ qua được bờ kia, gọi là đáo bỉ ngạn, “bỉ” là “kia”.

Hạng thứ nhất là hạng xuôi dòng, là chỉ cho mình. Xuôi dòng là thích gì theo nấy, ghét gì tránh nấy.

Hạng ngược dòng là chỉ theo cái cần, không theo cái thích, không tránh cái ghét. Trong Chánh tạng ghi là: “Dầu vì hành phạm hạnh, dầu sống đời tu hành mà phải chấp nhận bao nhiêu đắng cay thì vị này vẫn chấp nhận.”

Hạng thứ ba là kẻ đứng lại, ở đây ám chỉ bậc Thánh Tam quả, tức là không quay lui cõi Dục và tạm thời chưa đến được phía trước là La-hán quả, nên gọi là “Thitatto”, Bất lai hay kẻ đứng lại. Nghĩa là quay lui thì không, nhưng phía trước thì chưa đủ duyên lành, chưa tới A-la-hán được. Vị Bất lai là người không lui xuống thấp và chưa kịp lên cao, nên gọi là “Thitatto”, là kẻ đứng lại.

Hạng thứ tư là La-hán thì được gọi là “Tinno”, là “kẻ đã vượt qua dòng nước”, hoặc “Parangato” là “kẻ qua được bờ kia”. Cho nên có chữ “Parami” là “ba-la-mật”, param: bờ kia.

Parami = param + i, to go: đi. Pháp lành đưa qua bờ kia gọi là ba-la-mật, gọi là Pháp độ.

Thập độ hay Lục độ, “độ” ở đây là đưa qua bờ kia.

Các vị còn nhớ tích bên Bắc Truyền, Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đưa Lục Tổ Huệ Năng qua sông buổi khuya.

Lúc đó Lục Tổ thấy sư phụ đích thân chèo thuyền đưa mình đi thì rất ngại, nên nói:

“Thưa sư phụ, để con tự chèo đi được rồi.”

Thì Ngũ Tổ nói:

“Đừng ngại, khi mê thì thầy độ con. Khi con ngộ rồi thì con tự độ.”

“Độ” đây nghĩa là đưa qua sông.

Tôi nhớ hai mươi năm trước tôi có in tập thơ, trong đó có câu:

“Ta chở em qua bờ giải thoát.

Em gặt ta sang bến luân hồi.

Trên sông hai đứa cùng cười.

Thì ra em cũng một người độ sinh.”

Nhiều người không hiểu tại sao tôi lại đem so một ông hoằng pháp với bà Ma Đăng Già thành một? Trong tiếng Hán, “độ” nghĩa là đưa qua sông. Dầu nó đưa mình đi về miền hỏa ngục, nắng cháy Hạ Lào thì cũng là “độ”; mà nó đưa mình về bông lai tiên cảnh thì cũng là “độ”. “Độ” chỉ là đưa qua sông thôi!

Nên nhiều lần mình đi hoẵng pháp mà bị pháp hoẵng trở lại. Đi độ đời mà bị đời độ trở lại là vậy.

Bốn hạng người

Cho nên ở đây mình thấy có bốn hạng người.

Hạng thứ nhất, thuận dòng, xuôi dòng: thích cái gì theo cái đó, ghét cái gì tránh cái đó. Hành xử như là con nít.

Hạng thứ hai, kẻ ngược dòng: là kẻ có cái gan đi ngược lại dòng chảy của thế nhân. Cái mà người ta sợ, người ta ghét mà chỉ cần mình thấy nó hay, nó có ý nghĩa, có lợi ích cho mình, cho đời, kiếp này, kiếp sau, thì mình bèn dẫn thân lửa đạn.

Khi Đức Phật sắp tịch, ngài Ca Diếp đến gặp Phật. Ngài Ca Diếp nói:

“Bạch Thế Tôn, thật là khó khăn, thật là trùng trùng hiểm nạn đối với đời tu. Con thấy rất là khó khăn, đời sống phạm hạnh không phải là dễ dàng.”

Đức Phật ngài dạy:

“Này Ca Diếp, đúng như vậy. Đúng như vậy, ta cũng đồng ý với người, để có một đời sống phạm hạnh thì đương sự nào cũng phải chấp nhận trùng trùng hiểm nạn.”

Có bài kinh như vậy!

Chính Đức Phật và ngài Ca Diếp là hai vị long tượng đó mà phải đồng ý rằng đời sống tu hành là cả một thế giới hiểm nạn, một hành trình hiểm nạn. Kẻ nào dám dẫn thân, dẫn bước trên con đường đó là kẻ đi ngược dòng đời.

Ngay khi mới thành đạo thì Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác nào cũng có suy nghĩ giống nhau thế này:

“Đạo ta vừa đặc thậm thâm vi diệu, đi ngược dòng đời. Liệu trong cõi Ta-bà này có được bao nhiêu kẻ mà có thể lìa bỏ được cái lối mòn, cái dòng chảy cũ xưa để đi

ngược dòng với ta hay không? Với cuộc đời cõi nhân gian như thế thì ta thuyết pháp chỉ là mệt mỏi thôi.”

Cho nên ngay khi Phạm thiên xuống thỉnh Phật thuyết pháp, Phật trả lời bằng câu kệ Pali mà tôi nhớ tới bây giờ:

“Cánh cửa bất tử đã rộng mở. Ai có tai để nghe phải trải niềm tin mình ra. Trong một thời gian dài, vì nghĩ không muốn mệt mỏi nên ta không muốn thuyết pháp, này Phạm thiên.”

Ngài xài chữ rất khéo: “vihimsasanni” là “nghĩ tưởng đến sự mệt mỏi”. Tôi ghi cho bà con:

“Aparuta tesam amatassa dvara
Ye sotavanto pamuncantu saddham
Vihimsasanni pagunam na bhasim
Dhammam panitam manujesu brahma”

Cánh cửa bất tử đã rộng mở, bất tử là chánh pháp. Những ai có lỗ tai thì hãy lắng nghe và phơi trải niềm tin. Một thời gian dài vì nghĩ tới chuyện mệt mỏi mà ta không nói pháp, cái câu thứ hai ta phải ghép luôn. Này Phạm thiên, ta không thuyết pháp đến cho thiên hạ.

Tại sao tôi viết chữ “brahma” mà không viết chữ “brahme”? Là bởi vì ở đây Ngài kêu ông kia là Brahma. Brahma + iti = brahme, nên khi tôi trích tôi bỏ chữ “iti”.

Này Phạm thiên, nhiều lần nghĩ đến mệt mỏi mà ta không thuyết pháp cho loài người, cho thiên hạ, “manujesu”.

Bài kệ này có điểm đặc biệt: lẽ ra hai câu cuối là nội dung phải nói trước. Bài kệ này rất độc đáo. Nếu tôi nói lý do thì phải dành cả tiếng đồng hồ.

Chư tăng Tích Lan đã truyền tụng với nhau rằng bài này chính là bài chú hộ thân cho chư tăng được hoằng đạo và hành đạo. Khi gặp rắc rối, khó khăn, thì cứ nhất tâm bất loạn trì niệm liên tục bốn câu này thì coi như là chuyện dữ hóa lành, chuyện lớn hóa nhỏ, chuyện nhỏ hóa không.

Bản thân tôi dĩ nhiên tôi đâu mê tín dị đoan, nhưng tôi có tin một điều: đây là câu khai khẩu đầu tiên của vị Chánh Đăng Chánh Giác khi Ngài nhận lời để mà hoằng hóa độ sinh. Chỉ riêng lòng đại bi mà khoảnh khắc đó, khoảnh khắc Ngài chấm dứt giai đoạn đen tối của vũ trụ bằng bốn câu này, đồng ý chấm dứt giai đoạn đen tối của vũ trụ.

Bây giờ mình gặp rắc rối gì đó thì một lòng trì niệm bốn câu này. Không phải trì như thần chú, mà trì phải nghĩ tới Ngài, nghĩ rằng:

“Thế giới đang rối mù, đang tăm tăm mù mù, chỉ vì bốn câu nói này mà Thế Tôn đã lên đường đi hoằng pháp, và gỡ rối cho vô vàn sanh linh. Hôm nay rắc rối của con có sá gì so với rắc rối mà Ngài đã giúp chúng sanh giải quyết.”

Cứ như vậy. Tôi tin câu này lắm!

Như vậy ở đây mình học về bốn hạng người: thuận dòng, ngược dòng. Hạng thứ ba là người đứng lại, bậc A-na-hàm.

Tại sao gọi là đứng lại? Bởi vì lui thì không có đường mà tới thì chưa đủ duyên. Trong bốn bậc thì tầng thứ ba mới độc đáo. Tới thì chưa đủ duyên, nếu đủ đã là A-la-hán rồi. Mà lui cũng không, có nghĩa cảnh giới tái sanh vị này không còn đường lui nữa. Cho nên A-na-hàm được gọi là đứng lại.

Còn riêng vị A-la-hán gọi là “Tinno”. “Tinno” từ động từ nguyên mẫu là “tarati”, động từ căn là “tar”, gerund là “tinno”. “Tar” là “vượt qua”.

Thí dụ tiếng Pali có chữ:

assa: ngựa

assatara: ngựa vượt qua ngựa, tuần mã

go: con bò

“tama” từ động từ căn “tar” nghĩa là “vượt qua”

gotama: con bò vượt hẳn các con bò khác, bò chúa.

gotama = usabha = con bò chúa.

Thời gian cũng vừa thích hợp. Xin hẹn lại bà con ngày mai.

Chúc các vị một ngày vui!